

**SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI**

Số: 53 /BVNHN-DD
V/v báo giá vật tư tiêu hao

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay Bệnh viện Nhi Hà Nội đang có kế hoạch triển khai lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm vật tư tiêu hao” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Hà Nội.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Trác (Nguyễn Trác), Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 13 tháng 01 năm 2026 đến ngày 23 tháng 01 năm 2026 (Trong giờ hành chính)

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Mẫu báo giá: *Phụ lục 1 kèm theo*

2. Danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật của vật tư tiêu hao: *Phụ lục 2 kèm theo*.

Bệnh viện Nhi Hà Nội kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp nộp báo giá theo thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT, DD (03b).

GIÁM ĐỐC 


Ngô Quang Hùng

CÔNG TY.....
ĐỊA CHỈ:
MÃ SỐ THUẾ:.....
ĐIỆN THOẠI:.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hà Nội

Địa chỉ: Đường Nguyễn Trác, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số.....[ghi rõ số Công văn báo giá của Chủ đầu tư], của Bệnh viện Nhi Hà Nội, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho hàng hóa như sau:

1. Báo giá:

STT	Danh mục vật tư	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mô tả sản phẩm/Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	Sản phẩm A					
2	Sản phẩm B					
n	...					

(Giá trên đã bao gồm thuế, phí và những chi phí liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực: 180 ngày, kể từ ngàytháng năm..... [ghi ngày, tháng, năm của hãng sản xuất, nhà cung cấp phát hành báo giá].



3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 202....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật vật tư tiêu hao

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
1	Bơm tiêm nhựa 0.5ml	Cái	2,000	Bơm tiêm dung tích 0.5ml, chất liệu nhựa PP hoặc tương đương, không chứa DEHP, có vạch chia rõ nét. - Đầu pit tông làm bằng cao su, tráng lớp silicone y tế, không chứa latex. - Kim có nắp đậy, làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bơm tiêm được đóng gói vô khuẩn từng cái. Đạt tiêu chuẩn TCVN.
2	Bơm tiêm nhựa 1ml	Cái	37,100	Bơm tiêm dung tích 1ml, chất liệu nhựa PP, không chứa DEHP, có vạch chia rõ nét. - Đầu pit tông làm bằng cao su, tráng lớp silicone y tế, không chứa latex. - Kim có nắp đậy, làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bơm tiêm được đóng gói vô khuẩn từng cái. Đạt tiêu chuẩn TCVN.
3	Bơm tiêm nhựa 3ml	Cái	4,500	Bơm tiêm dung tích 3ml, chất liệu nhựa PP, không chứa DEHP, có vạch chia rõ nét. - Đầu pit tông làm bằng cao su, tráng lớp silicone y tế, không chứa latex. - Kim có nắp đậy, làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bơm tiêm được đóng gói vô khuẩn từng cái. Đạt tiêu chuẩn TCVN.
4	Bơm tiêm nhựa 5ml	Cái	367,000	Bơm tiêm dung tích 5 ml, chất liệu nhựa PP có thang chia chính xác, không chứa DEHP - Đầu pit tông làm bằng cao su, tráng lớp silicone y tế, không chứa latex. - Kim có nắp đậy, làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bơm tiêm được đóng gói vô khuẩn từng cái. Đạt tiêu chuẩn TCVN.

STT	Danh mục	DVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
5	Bom tiêm nhựa 10ml	Cái	850,000	Bom tiêm dung dịch 10ml, chất liệu nhựa PP có vạch, không chứa DEHP. - Đầu pit tông làm bằng cao su, tráng lớp silicone y tế, không chứa latex. - Kim có nắp đậy, làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bom tiêm được đóng gói vô khuẩn từng cái. Đạt tiêu chuẩn TCVN.
6	Bom tiêm nhựa 20ml	Cái	335,000	Bom tiêm dung dịch chứa 20ml, chất liệu nhựa PP có vạch chia, không chứa DEHP. - Đầu pit tông làm bằng cao su, tráng lớp silicone y tế, không chứa latex. - Kim có nắp đậy, làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bom tiêm được đóng gói vô khuẩn từng cái. Đạt tiêu chuẩn TCVN.
7	Bom tiêm nhựa 50ml	Cái	452,000	Bom tiêm dung tích 50ml, chất liệu nhựa PP có vạch chia. - Đầu pit tông làm bằng cao su, tráng lớp silicone y tế, không chứa latex, đầu thẳng. - Sử dụng được với các loại máy tiêm điện. - Bom có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ - Bom tiêm được đóng gói vô khuẩn từng cái. Đạt tiêu chuẩn TCVN.
8	Bom cho ăn 50ml	Cái	3,500	Bom dung tích 50ml, chất liệu PP có vạch chia. - Đầu pit tông làm bằng cao su, tráng lớp silicone y tế, không chứa latex. - Đốc xy lanh thẳng, to lắp chặt với ống thông dạ dày. - Bom có vạch chia thể tích tối đa 60ml. - Bom được đóng gói vô khuẩn từng cái. Đạt tiêu chuẩn TCVN.
9	Kim luồn ngấn dạng bút các số	Cái	800	Chất liệu FEP hoặc tương đương, có vạch căn quang ở thân catheter, có khả năng lưu kim được đến $\geq 72\text{h}$. - Có bầu tắm lọc xốp ở chuỗi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. - Các cỡ với các màu khác nhau: có cỡ 14G; 16G; 18G; 20G; 22G và 24G. Đạt tiêu chuẩn EU.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
10	Kim luồn tĩnh mạch có cánh không cửa bơm	Cái	196,300	Kim làm bằng thép không gỉ, 3 mặt vát, phủ 1 lớp silicon, có đầu bảo vệ kim tự động sau khi rút kim ra khỏi catheter. - Catheter làm bằng FEP hoặc PTEE, không chứa DEHP, không chứa mủ cao su, có 4 đường cân quang, có cánh, không cửa bơm. - Cơ chế trào máu 2 thì. Thời gian lưu $\geq 96h$. - Đốc kim có màu khác nhau giúp phân biệt cỡ kim. Các cỡ, có tối thiểu cỡ: 22G, 24G, 26G - Đóng gói vô trùng từng cái.
11	Kim luồn tĩnh mạch số 22G, 24G có cánh không cửa bơm	Cái	227,700	Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, phủ 1 lớp silicon, có đầu bảo vệ kim tự động sau khi rút kim ra khỏi catheter. - Catheter làm bằng chất liệu FEP, có 4 đường cân quang, có cánh và không cửa bơm, thời gian lưu kim $\geq 96h$. Chịu áp lực $\geq 325psi$. - Đường kính 24G: 0.7mm, dài $\leq 19mm$. - Đường kính 22G: 0.9mm, dài $\leq 25mm$. - Chiều dài từ đầu kim đến đầu catheter $\leq 0.4mm$ - Có cơ chế trào máu 2 thì, đốc kim có màu khác nhau giúp phân biệt cỡ kim. - Đóng gói vô khuẩn từng cái. - Đạt tiêu chuẩn iso 13485, CE, FDA. - Xuất xứ: G7 hoặc Đồng Nam Á
12	Kim cánh bướm có dây nối các số	Cái	49,800	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. - Dây dẫn bằng chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương, dài $\geq 30cm$, đường kính trong $\leq 1.3mm$, đường kính ngoài $\geq 2.5mm$, có đầu kết nối Luer lock, không DEHP. - Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp kim. - Cánh trong suốt bằng nhựa PVC.
13	Kim bướm lấy máu chân không	Cái	5,500	Kim lấy máu được làm bằng thép không gỉ, vô trùng; được xử lý thứ cấp bằng silicon. - Dây dẫn chất liệu nhựa PVC Ống nhựa mềm, không xoắn vặn, trong suốt

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
				để dàng quan sát lưu lượng máu. - Có tối thiểu 2 cỡ từ các cỡ từ 20G đến 23G.
14	Kim lấy máu, lấy thuốc các cỡ	Cái	964,000	Kim các cỡ: 18G; 20G; 22G; 23G, 25Gx1 được làm bằng thép không gỉ, phủ silicone. - Đầu kim vát 3 cạnh, có nắp bảo vệ. - Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim. - Đóng gói vô trùng từng cái.
15	Kim gây tê dùng cho gây tê đám rối thần kinh ngoại biên 100mm	Cái	250	Kim 21G dài 100 mm, cách điện, có vạch đánh dấu mỗi 1 cm trên thân kim giúp ước lượng chiều dài thân kim đang nằm trong cơ thể bệnh nhân, mặt vát kim 30° - Dây nối bơm thuốc - Tiêu chuẩn CE (châu Âu), ISO 13485:2016
16	Kim gây tê ngoài màng cứng	Cái	300	Kim đầu cong Tuohy hoặc tương đương 18G dài khoảng 80mm gây tê ngoài màng cứng, có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. - Catheter bằng polyamid trong suốt, dài khoảng 1000mm, đầu catheter có 3 lỗ thoát thuốc. - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR (Loss of Resistance) giúp xác định khoảng ngoài màng cứng để dàng và chắc chắn. Đầu nối catheter dạng nắp bật - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2µm. - Có dây đủ bơm tiêm và kim chích thuốc - Xuất xứ: G7 hoặc Đông Nam Á
17	Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ	Cái	3,100	Đầu kim 3 mặt vát, sắc bén - Chuôi kim trong suốt, có thiết kế lăng kính pha lê phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. - Có các số 22G (dài 40mm, 88mm), 25G, 27G - Đóng gói vô khuẩn từng cái - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, chứng chỉ EC-TUV hoặc FDA

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
18	Kim chọc tủy xương trẻ lớn	Cái	110	Kim chọc hút và sinh thiết tủy xương có băng tay cầm hình chữ T, cây đẩy bệnh phẩm, đầu bảo vệ, Lurelock, đầu kim có góc xiên sắc như dao cạo, thân kim có vạch chia (1cm/ vạch), đường kính có tối thiểu cỡ 8G, 11G, 13G chiều dài khoảng 100mm, 150mm; 65mm, 100mm, Kim chọc hút tủy xương: - Loại ngắn: đường kính có tối thiểu các cỡ 14G, 15G, 16G, 18G chiều dài kim điều chỉnh được trong khoảng từ 5mm - 20 mm; - Loại dài: đường kính có tối thiểu các cỡ 14G, 15G, 16G chiều dài kim điều chỉnh được trong khoảng từ 20mm - 35 mm
19	Kim chọc tủy xương trẻ em	Cái	240	Nhựa y tế, không chứa latex, không cổng tiêm, dài ≤ 11 mm.
20	Nút chặn kim luồn	Cái	77,900	Vải nền đan không dệt co giãn, mềm mại, thoáng khí, độ bền kéo 3.0kg/12mm $\pm$ 300g. Phủ keo Acrylic 100g/m ² , độ dính 580g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da, không sót keo sau khi tháo băng. Các vạch in sẵn giúp cắt theo kích cỡ tùy ý. - Kích thước: 10cm x 10m Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA. - Xuất xứ: Đồng-Nam Á
21	Băng dính cuộn co giãn 10m x 10cm	Cuộn	9,000	Vải lụa trắng Acetate Taffeta thông thoáng, độ bền kéo 5.0kg/12mm $\pm$ 500g. Phủ keo Acrylic hoặc oxyde kẽm 60g/m ² , độ dính 540g/12mm $\pm$ 30g, không chứa latex và không sót keo trên da khi tháo băng. Băng quấn vào lõi nhựa, bờ răng cưa dễ xé ngang dọc. Có kiểm tra vi sinh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA. - Kích thước: 1.25 cm x 5 m. - Xuất xứ :Đồng Nam Á
22	Băng dính lụa 1.25cm x 5m	Cuộn	550	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
23	Băng dính lụa 2.5cm x 5m	Cuộn	3,070	Vải lụa trắng Acetate Taffeta thông thoáng, độ bền kéo 5.0kg/12mm ± 500g. Phủ keo Acrylic hoặc oxyde kẽm 60g/m ² , độ dính 540g/12mm ± 30g, không chứa latex và không sót keo trên da khi tháo băng. Băng quấn vào lõi nhựa, bờ răng cưa để dễ bóc ngang dọc. Có kiểm tra vi sinh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA. - Kích thước: 2.5 cm x 5 m. - Xuất xứ :Đông Nam Á
24	Băng dính lụa 5cm x 5m	Cuộn	13,000	Vải lụa trắng Acetate Taffeta thông thoáng, độ bền kéo 5.0kg/12mm ± 500g. Phủ keo Acrylic hoặc oxyde kẽm 60-70g/m ² , độ dính 540g/12mm ± 30g, không chứa latex và không sót keo trên da khi tháo băng. Băng quấn vào lõi nhựa, bờ răng cưa để dễ bóc ngang dọc. Có kiểm tra vi sinh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA. - Kích thước khoảng 5 cm x 5 m. - Xuất xứ :Đông Nam Á
25	Băng dính giấy 2.5cm x 5m	Cuộn	3,100	Chất liệu giấy không dệt nhẹ nhàng, thấm hút tốt, mềm mịn để dễ bóc nhanh bằng tay. Phủ keo Acrylic 50-70g/m ² không gây kích ứng, lý tưởng cho da nhạy cảm. Độ bền kéo 1.8kg/12mm ± 300g. Độ dính 420-450g/12mm ± 30g, không sót keo trên da khi tháo băng. Có kiểm tra vi sinh. - Kích thước: 2.5cm x 5m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA. - Xuất xứ: Đông Nam Á
26	Băng dán vô trùng trước mổ 30cm x 28cm	Miếng	200	Băng là màng Polyurethane hoặc tương đương trong suốt có tính đàn hồi, thông thoáng ngăn ngừa tích tụ độ ẩm dưới lớp băng và được phủ keo Acrylic hoặc tương đương. - Băng có định phẫu trường, kích thước khoảng 30 cm x 28 cm
27	Băng dán vô trùng trước mổ 56cm x 45cm	Miếng	300	Băng là màng Polyurethane hoặc tương đương trong suốt có tính đàn hồi, thông thoáng ngăn ngừa tích tụ độ ẩm dưới lớp băng và được phủ keo Acrylic hoặc tương đương. - Băng có định phẫu trường, kích thước khoảng 56 cm x 45 cm

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
28	Băng dán trong suốt, vô trùng, không thấm nước 53 x 80mm	Miếng	26,200	- Băng phim mỏng bằng màng polyurethane trong suốt. Mức thấm hơi nước $\geq 500\text{g/m}^2/24\text{h}$. Lực dính $\geq 1.0\text{N/cm}$ - Keo acrylic, trọng lượng kết dính $30 \pm 3 \text{ g/m}^2$. - Tiết trùng bằng EO. - Không thấm nước. Dùng được khi lau và tắm. - Kích thước 53x80mm. (sai số $\pm 5\text{mm}$)
29	Băng dán trong suốt, vô trùng, không thấm nước 73 x 80mm	Miếng	9,000	- Băng phim mỏng bằng màng polyurethane trong suốt. Mức thấm hơi nước $\geq 500\text{g/m}^2/24\text{h}$. Lực dính $\geq 1.0\text{N/cm}$ - Keo acrylic, trọng lượng kết dính $30 \pm 3 \text{ g/m}^2$. - Tiết trùng bằng EO. - Không thấm nước. Dùng được khi lau và tắm. - Kích thước 73x80mm.(sai số $\pm 5\text{mm}$)
30	Băng dính vô trùng trong suốt có xẻ rãnh 6cm x 7cm	Miếng	20,000	Cấu tạo: màng PU film (polyurethane film) hoặc tương đương bán thấm, mỏng, trong suốt phủ keo acrylic hoặc tương đương, không gây kích ứng da, lớp giấy lót chống dính, khung viền giấy để cầm khi dán băng, dễ dàng bóc ra. - Màng PU hoặc tương đương bán thấm, bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. - Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. có xẻ rãnh ở giữa cạnh dài. - Có nhãn dán ghi ngày, giờ kèm theo. - Sản phẩm tiết trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng. - Kích thước: 60mm x 70mm. (sai số $\pm 5\text{mm}$)
31	Băng dính vô trùng trong suốt có xẻ rãnh, size 5.1cm x 6cm	Miếng	24,800	Băng chất liệu Polyurethane, không chứa Latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng, có 4 góc bo tròn tránh bung mép, độ bền kéo 2.0kg/12mm $\pm 200\text{g}$, chuyên dùng cố định kim lườn. - Nền băng phủ keo Acrylic độ dính 440g/12mm $\pm 30\text{g}$ an toàn cho mọi loại da. - Kích thước: 5.1 cm x 6cm, đường xẻ rãnh 4cm x 2.5cm. - Tiết trùng từng miếng bằng ethylene oxide (E.O Gas). - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
32	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước 6cm x 7cm	Miếng	6,300	Băng film Polyurethane (P.U) 6cm x 7cm (± 1cm) không chứa latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng, 4 góc bo tròn tránh bung mép, độ bền kéo 2.0kg/12mm ± 200g. - Nền băng phủ keo Acrylic độ dính 440g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da. - Gạc chính giữa băng kích thước ≥ 3cm x 4cm, phủ màng PE (polyethylene) không dính vào vết thương. - Tiệt trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
33	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước 10cm x 12cm	Miếng	4,100	Băng film Polyurethane (P.U) 10cm x 12cm không chứa latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng, 4 góc bo tròn tránh bung mép, độ bền kéo 2.0kg/12mm ± 200g, nền Phủ keo Acrylic độ dính 440g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da. - Gạc chính giữa băng ≥ 5.5cm x 7cm phủ màng PE không dính vào vết thương. - Tiệt trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA
34	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước 5cm x 7cm	Miếng	3,800	Băng là màng Polyurethane hoặc tương đương trong suốt, bán thấm, không cho nước và vi khuẩn đi qua, băng cho phép trao đổi hơi nước và không khí. - Gạc thấm hút cao với màng PE hoặc tương đương không dính vết thương. Mỗi miếng được đựng trong từng bao riêng vô trùng và tiệt trùng bằng ethylene oxide (EO) . Băng vết mổ bệnh nhân có thể tắm, rửa sau khi dán. - Kích thước khoảng 7 cm x 5 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE
35	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước 6cm x 10cm	Miếng	1,000	Băng film Polyurethane (P.U) 6cm x 10cm không chứa latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng, 4 góc bo tròn tránh bung mép, độ bền kéo 2.0kg/12mm ± 200g. - Nền băng phủ keo Acrylic độ dính 440g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
				- Gạc chính giữa băng $\geq 3\text{cm} \times 5\text{cm}$ phủ màng PE (polyethylene) không dính vào vết thương. Tiệt trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
36	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước $9\text{cm} \times 10\text{cm}$	Miếng	1,000	Băng film Polyurethane (P.U) $9\text{cm} \times 10\text{cm}$ không chứa latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng, 4 góc bo tròn tránh bung mép, độ bền kéo $2.0\text{kg}/12\text{mm} \pm 200\text{g}$. Phủ keo Acrylic độ dính $440\text{g}/12\text{mm} \pm 30\text{g}$ an toàn cho mọi loại da. - Gạc chính giữa băng $\geq 5\text{cm} \times 6\text{cm}$ phủ màng PE (polyethylene) không dính vào vết thương. - Tiệt trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
37	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước $9\text{cm} \times 15\text{cm}$	Miếng	1,000	Băng film Polyurethane (P.U) $9\text{cm} \times 15\text{cm}$ không chứa latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng, 4 góc bo tròn tránh bung mép, độ bền kéo $2.0\text{kg}/12\text{mm} \pm 200\text{g}$. Phủ keo Acrylic độ dính $440\text{g}/12\text{mm} \pm 30\text{g}$ an toàn cho mọi loại da. - Gạc chính giữa băng kích thước $\geq 5\text{cm} \times 10\text{cm}$ phủ màng PE (polyethylene) không dính vào vết thương. - Tiệt trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
38	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước $9\text{cm} \times 20\text{cm}$	Miếng	1,000	Băng film Polyurethane (P.U) $9\text{cm} \times 20\text{cm}$ không chứa latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng, 4 góc bo tròn tránh bung mép, độ bền kéo $2.0\text{kg}/12\text{mm} \pm 200\text{g}$. - Nền băng phủ keo Acrylic độ dính $440\text{g}/12\text{mm} \pm 30\text{g}$ an toàn cho mọi loại da. - Gạc chính giữa băng kích thước $\geq 5\text{cm} \times 15\text{cm}$, phủ màng PE (polyethylene) không dính vào vết thương.

STT	Danh mục	DVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
				- Tiết trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
39	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước 9cm x 25cm	Miếng	1,000	Băng film Polyurethane (P.U) 9cm x 25cm không chứa latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng, 4 góc bo tròn tránh bung mép, độ bền kéo 2.0kg/12mm $\pm$ 200g. - Nền băng phủ keo Acrylic độ dính 440g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da. - Gạc chính giữa băng $\geq$ 5cm x 20cm phủ màng PE (polyethylene) không dính vào vết thương. - Tiết trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
40	Băng dính có gạc vô trùng 6cm x 7cm	Miếng	5,400	"Nền băng Polyester đan không dệt mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. - Kích thước băng: 6cm x 7cm ($\pm$0.5cm), Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da. - Gạc chính giữa nền băng $\geq$ 3cm x 4cm, độ bền kéo 3.0kg/12mm $\pm$ 300g, có lớp màng Polyethylene (PE) không dính vào vết thương. - Tiết trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA."
41	Băng dính có gạc vô trùng 6cm x 10cm	Miếng	1,300	"Nền băng Polyester đan không dệt mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da. - Kích thước băng: 6cm x 10cm ($\pm$0.5cm) - Gạc chính giữa nền băng 3cm x 5cm, độ bền kéo 3.0kg/12mm $\pm$ 300g, có lớp màng Polyethylene (PE) không dính vào vết thương.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
				- Tiết trùng từng miếng bằng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA."
42	Băng dính có gạc vô trùng 9cm x 10cm	Miếng	500	"Nền băng Polyester đan không dệt mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da. - Kích thước băng: 9cm x 10cm ($\pm$0.5cm) - Gạc chính giữa nền băng 5cm x 6cm, độ bền kéo 3.0kg/12mm $\pm$ 300g, có lớp màng Polyethylene (PE) không dính vào vết thương. - Tiết trùng từng miếng bằng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA."
43	Băng dính có gạc vô trùng 9cm x 15cm	Miếng	200	Nền băng Polyester đan không dệt mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da. - Kích thước băng: 9cm x 15cm ($\pm$0.5cm) - Gạc chính giữa nền băng 5cm x 10cm, độ bền kéo 3.0kg/12mm $\pm$ 300g, có lớp màng Polyethylene (PE) không dính vào vết thương. - Tiết trùng từng miếng bằng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA."
44	Băng dính có gạc vô trùng 9cm x 20cm	Miếng	200	"Nền băng Polyester đan không dệt mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da. - Kích thước băng: 9cm x 20cm ($\pm$0.5cm) - Gạc chính giữa nền băng 5cm x 15cm, độ bền kéo 3.0kg/12mm $\pm$ 300g, có lớp màng Polyethylene (PE) không dính vào vết thương.

STT	Danh mục	BVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
				- Tiết trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA."
45	Băng dính có gác vô trùng 9cm x 30cm	Miếng	200	"Nền băng Polyester đan không dệt mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da. - Kích thước băng: 9cm x 30cm ($\pm$0.5cm) - Gạc chính giữa nền băng 5cm x 25cm, độ bền kéo 3.0kg/12mm $\pm$ 300g, có lớp màng Polyethylene (PE) không dính vào vết thương. - Tiết trùng từng miếng băng E.O Gas. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA."
46	Băng xô cuộn 10cm x 5m	Cuộn	1,900	Gạc dạng cuộn được làm từ vải dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. - Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Kích thước khoảng 10cm x 5m.
47	Băng xô cuộn 5cm x 5m	Cuộn	300	Gạc dạng cuộn được làm từ vải dệt từ sợi 100% cotton hoặc tương đương có độ thấm hút rất cao., không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Kích thước khoảng 5cm x 5m.
48	Băng dính chứa gel Chlohexidine 10cm x 12cm	Miếng	3,100	Màng film bằng polyurethane dài 10x12cm ($\pm$0.5cm), phủ keo acrylate, màng film có viên vải không dệt. Giữa màng film có gel chlohexidine 2%, kích thước gel chlohexidine 2x2cm. - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, thời gian lưu >7 ngày - Xuất xứ: G7

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
49	Băng dính chứa gel Chlohexidine 7cm x 8.5cm	Miếng	1,000	Màng film bằng polyurethane dài 7cm x 8.5cm (± 0.5 cm), phủ keo acrylate, màng film có viền vải không dệt. Giữa màng film có gel chlohexidine 2%, kích thước gel chlohexidine 3x4cm. - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, thời gian lưu ≥ 7 ngày - Xuất xứ: G7
50	Băng dán 2cm x 6cm (băng dán cá nhân)	Miếng	52,400	Băng: Viscose (rayon) và polyamide (hoặc polyester) không đan dệt hoặc PVC, màu da. Phủ keo oxide kẽm hoặc Acrylic. - Miếng gạc thấm hút dịch : Gạc thấm hút và lớp chống dính polyethylene. - Tiết trùng từng miếng và đóng gói riêng. - Kích thước ≥ 2 cm x 6cm.
51	Gạc lưới lipido-colloid, kích thước 10cm x 10cm	Miếng	500	Gạc lưới Lipido colloid hoặc tương đương vô trùng - Lưới đan dệt 100% polyester hoặc tương đương tấm lipido-colloid hoặc tương đương bao gồm các phần tử hydrocolloid hoặc tương đương và vaseline hoặc tương đương, - Có thể lưu băng đến 7 ngày - Kích thước khoảng: 10cm x 10cm
52	Gạc lưới Lipido-Colloid tấm bạc 10cm x 12cm	Miếng	1,300	Băng được cấu tạo từ các polyester hoặc tương đương tấm các hạt hydrocolloids (CMC) hoặc tương đương, vaseline hoặc tương đương, các polymer hoặc tương đương kết dính và muối bạc hoặc tương đương. - Lưới dệt polyester hoặc tương đương được phủ lớp lipido-colloid hoặc tương đương và phủ tối thiểu 2 lớp màng bảo vệ. - Kích thước khoảng: 10cm x 12cm
53	Gạc tấm bạc kích thước 10cm x 10cm	Miếng	600	Là lớp xốp polyurethane hoặc tương đương tích hợp nano bạc và PHMB, hàm lượng: nano bạc 0.25%w/w hoặc tương đương, PHMB 1%w/w hoặc tương đương. Độ dày khoảng: 4.5mm. - Hiệu quả tiêu diệt vi sinh vật lên đến 99.99%. - Khả năng thấm hút dịch, giữ dịch trong gạc, hạn chế số lần thay gạc (duy trì khả năng diệt khuẩn trong suốt 7 ngày điều trị). - Kích thước khoảng: 100mm x 100mm.

STT	Danh mục	DVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
54	Gạc Ag 10x12cm	Hộp	1,500	Băng được cấu tạo bởi lớp lưới bạc làm từ các polyester tẩm hạt hydrocolloid (carboxymethylcellulose) hoặc tương đương, vaseline hoặc tương đương, các polymer kết dính hoặc tương đương và muối bạc hoặc tương đương Bề mặt băng là Polyurethane (P.U) thoáng khí, chống thấm nước và ngăn chặn vi khuẩn xâm nhập. Hydrocolloid dày 0.4mm thấm hút dịch tiết, duy trì môi trường ẩm tối ưu, tốc độ thoát hơi ẩm 470g/m ² /ngày, khả năng thấm hút dịch 1.980g/m ² /ngày. - Lưu băng lên tới 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. - Tiết trùng từng miếng băng tia Gamma. - Kích thước: 10cmx10cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
55	Gạc hydrocolloid, kích thước 10x10cm	Miếng	600	Bề mặt băng là Polyurethane (P.U) thoáng khí, chống thấm nước và ngăn chặn vi khuẩn xâm nhập. Hydrocolloid dày 0.4mm thấm hút dịch tiết, duy trì môi trường ẩm tối ưu, tốc độ thoát hơi ẩm 470g/m ² /ngày, khả năng thấm hút dịch 1.980g/m ² /ngày. - Lưu băng lên tới 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. - Tiết trùng từng miếng băng tia Gamma. - Kích thước: 20cmx20cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
56	Gạc hydrocolloid, kích thước 20x20cm	Miếng	600	- Chất liệu: là các phân tử Hydrocolloid (carboxymethyl cellulose), dày 0.4mm thấm hút dịch tiết phân tán trong khối keo dính. - Băng: Polyurethane bán thấm, - Kích thước 10cm x 10cm, dày (0.8-1)mm. - Tiêu chí đặc thù: + Ngăn vi khuẩn, nước xâm nhập, có độ bám dính cao và không gây kích ứng da, có tính thoáng ẩm. + Có thể cắt nhỏ theo kích thước vết thương để sử dụng. + Băng có tác dụng dự phòng tổn thương tỷ đè; có khả năng thấm hút dịch tạo gel
57	Băng bảo vệ da - da giả (10cm x 10cm)	Miếng	4,400	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
				+ Đóng gói kín, từng miếng, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mờ, dễ xé, có ghi hạn sử dụng. - Xuất xứ các nước châu Âu/G7
58	Miếng dán silicone mờ sọc 3.5cm x 15cm x 0.1cm	Miếng	600	Miếng dán 100% silicone y tế tự dính ngăn chặn nhiễm bẩn từ môi trường, giảm đau, ngứa, khó chịu, chống mất nước, duy trì độ ẩm da, làm mờ và phẳng các vết sẹo lồi, sẹo phì đại và ngăn ngừa hình thành sẹo mới sau chấn thương, phẫu thuật. Có thể cắt nhỏ theo nhu cầu vết thương/vết sẹo. - Kích thước: 3.5cm x 15cm x 0.1cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
59	Miếng dán silicone mờ sọc 5cm x 6cm x 0.1cm	Miếng	1,500	Miếng dán 100% silicone y tế tự dính ngăn chặn nhiễm bẩn từ môi trường, giảm đau, ngứa, khó chịu, chống mất nước, duy trì độ ẩm da, làm mờ và phẳng các vết sẹo lồi, sẹo phì đại và ngăn ngừa hình thành sẹo mới sau chấn thương, phẫu thuật. Có thể cắt nhỏ theo nhu cầu vết thương/vết sẹo. - Kích thước: 5cm x 6cm x 0.1cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
60	Gạc xấp vô trùng 10cm x 10cm	Miếng	6,000	Băng xấp Polyurethane 3 lớp, dày 5mm, chứa Sodium alginate siêu thấm hút dịch tiết, duy trì độ ẩm tối ưu cho vết thương, khả năng thấm hút dịch. Lưu băng lên tới 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. - Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma. - Kích thước: 10cm x 10cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
61	Gạc xốp tấm bạc vô trùng 10cm x 10cm	Miếng	3,000	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 5mm, chứa Sodium alginate siêu thấm hút dịch tiết, duy trì độ ẩm tối ưu cho vết thương, khả năng thấm hút dịch. Lưu băng lên tới 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. - Tiết trùng từng miếng băng tia Gamma. - Kích thước: 10cm x 10cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.
62	Băng thun 6m x 4.5m	Cuộn	1,200	- Băng thun màu trắng. Thành phần cấu tạo từ sợi polyester hoặc tương đương, spandex hoặc tương đương và sợi cotton hoặc tương đương. - Băng đảm bảo thông thoáng, không làm hăm bí da, tia X đi qua được. - Kích thước 6cm x 4.5m..
63	Băng thun 7,5cm x 4,5m	Cuộn	7,000	- Băng thun màu trắng. Thành phần cấu tạo từ sợi polyester hoặc tương đương, spandex hoặc tương đương và sợi cotton hoặc tương đương. - Băng đảm bảo thông thoáng, không làm hăm bí da, tia X đi qua được. - Kích thước khoảng: 7,5cm x 4,5m
64	Băng thun 10cm x 4,5m	cuộn	1,300	Chất liệu: Sợi polyester, spandex và cotton hoặc Polyester và sợi cao su. Có tối thiểu 02 móc cài. Băng có độ đàn hồi, không mùi. Kích thước: 10cm x 4.5m. Đóng gói 1 cuộn / túi.
65	Dây oxy hai nhánh	Cái	2,050	Nhựa PVC, Đầu nối 15 mm . Không chứa DEHP, không chứa BPA, không chứa latex. - Các cỡ: phù hợp với trẻ sinh non, trẻ sơ sinh. - Có các cỡ: Khoảng cách hai ngách và đường kính ngoài: 2.5mm - 3 mm; 4.25mm - 3mm; 4.75mm - 3.5mm; 5mm - 4mm; 5.75mm - 5.25mm, 6.75mm - 5.75mm; 7.75mm - 6.5mm.
66	Dây oxy gòng kính các cỡ	Bộ	15,000	Chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gòng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiết trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi, không có chất tạo màu

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
				- Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gấp.
67	Mask thở oxy các cỡ	Cái	4,200	Chất liệu PVC trong suốt, Mask thở oxy có túi và không có túi được thiết kế cho việc truyền khí oxy qua đường miệng với mức độ tập trung oxy cao. - Đóng gói vô trùng từng cái. - Có các cỡ phù hợp trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ.
68	Mask khí dung các cỡ	Cái	22,000	Chất liệu PVC. Gồm có dây dẫn dài ≥ 2 m, bầu đựng thuốc, mặt nạ. Tốc độ phun sương không ít hơn 0.25ml/min. - Có size S, M, L. Đóng gói vô trùng từng cái.
69	Catheter rón 1 nòng trẻ em số	Bộ	1,000	Catheter động tĩnh mạch rón cho trẻ sơ sinh gồm: - 01 catheter chất liệu PVC hoặc tương đương; Dài 37cm. - số 3,5Fr, Tốc độ dòng truyền dịch >5ml/ phút; - Số 5 Fr ;Tốc độ dòng truyền dịch >30ml/ phút.
70	Catheter rón 2 nòng trẻ em các số	Cái	100	Catheter động tĩnh mạch rón 2 nòng chất liệu PVC hoặc PUR - Có các cỡ : 3.5Fr, 5Fr.
71	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng người lớn	Cái	40	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 7Fr $\times$ 20 - Sản phẩm được làm bằng chất liệu PU hoặc tương đương tương thích sinh học mềm chống xoắn hạn chế tổn thương - Thiết kế thanh trượt dễ dàng sử dụng với đầu dạng chữ J, không độc, không chất cao su tăng an toàn cho bệnh nhân - Kim Y dẫn đường hạn chế mất máu và nhiễm trùng. - Nút đẩy an toàn có van 1 chiều, không dùng kim bơm thuốc tăng an toàn. - Có cản quang - Chiều dài khoảng: 20cm, que nong 8Fr$\times$10cm - Tiệt trùng bằng EO

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
				Thông số kỹ thuật - Bộ kit tối thiểu bao gồm: - Catheter(ống thông) tĩnh mạch trung tâm - Dây dẫn hướng - Que nong - Kim dẫn đường - Kẹp - Kẹp catheter - Bộ lọc
72	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng trẻ em các số	Cái	570	Kim dẫn đường Seldinger hoặc tương đương, kim thẳng (S) -Catheter bằng chất liệu polyurethan hoặc tương đương với đầu catheter mềm, có vạch đánh dấu chiều dài , đường kính ngoài 4F, chiều dài khoảng 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng tối thiểu G22 -Đầu nối catheter có valve 2 chiều, -Dây kim loại dẫn đường có vạch đánh dấu chiều dài, đầu J. -Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PUR hoặc tương đương; - Cỡ 1Fr ; Dài 20 cm ; Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút. Chất liệu: nhựa PVC, Không chứa latex và DEHP. Một nòng, có bóng, đầu nối tiêu chuẩn dài 15mm. - Đường kính trong (ID) có các cỡ: 2.5; 3.0 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0.
73	Catheter tĩnh mạch trung tâm từ tĩnh mạch ngoại vi (Bộ Longline)	Cái	100	Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PUR hoặc tương đương; - Cỡ 1Fr ; Dài 20 cm ; Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút. Chất liệu: nhựa PVC, Không chứa latex và DEHP. Một nòng, có bóng, đầu nối tiêu chuẩn dài 15mm. - Đường kính trong (ID) có các cỡ: 2.5; 3.0 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0.
74	Ống đặt nội khí quản có bóng các cỡ	Cái	2,141	Chất liệu ống: PVC, không chứa latex và DEHP. Một nòng, không có bóng. Đầu ống mặt vát (hoặc tù). Có đường cản quang. - Đường kính trong (ID) 2.5; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0.
75	Ống đặt nội khí quản không bóng các cỡ	Cái	2,400	Chất liệu ống: PVC, không chứa latex và DEHP. Một nòng, không có bóng. Đầu ống mặt vát (hoặc tù). Có đường cản quang. - Đường kính trong (ID) 2.5; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
76	Ống nối dùng cho máy thở (sâu máy thở)	Cái	120	Chất liệu nhựa PVC y tế, vô trùng, sử dụng 1 lần. có thể co giãn được. - Chiều dài ống 15cm. Đường kính ống khoảng 22mm. Đầu co xoay được 360 độ, đầu nối tiêu chuẩn: 15/22mm. - Đầu ống có lỗ (có nắp đậy) - Ống nhựa trong giúp dễ quan sát tình trạng bệnh nhân.
77	Ống hút đờm kín	Cái	400	Ống hút đờm kín - Chất liệu PVC, PP - Sử dụng ≥ 72 giờ. - Kích cỡ tối thiểu có các cỡ: 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16 - Cấu tạo: catheter, bọc ngoài, công tắc kiểm soát hút dịch (phân biệt kích cỡ bằng màu sắc), nắp đậy ngắt kết nối, cổng MDI, cổng nước muối, van cách ly hoạt động; Ống hút đầu mềm, tròn; Đầu nối đôi xoay; - Chiều dài catheter 540 mm số 10, 12, 14, 16, 305mm số 5, 6, 8. - Chiều dài catheter: 310 mm (± 10mm). - Số 5, 6, 8 có Y connector - Tiệt trùng. Bao bì kép
78	Sonde hút nhớt có kiểm soát các số	Cái	36,650	Có tối thiểu các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Chất liệu: nhựa PVC, ống mềm dài: khoảng 50-60 cm, có lỗ kiểm soát. Có nắp Đã tiệt trùng.
79	Sonde cho ăn các cỡ	Cái	5,310	Ống thông dạ dày có nắp các cỡ gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr - Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.
80	Sonde cho ăn dành cho nhi	Cái	300	Chất liệu PU mềm mại, trong suốt, có tính kháng acid mạnh, lưu được tối đa 29 ngày. Chiều dài 550mm, với 3 đường cân quang trắng để dàng quan sát dưới X quang. - Vạch chia từng 1cm trên thân ống. Đầu tip đóng, có 3 lỗ thoát thức ăn so le. - Các cỡ 6Fr, 8Fr, 10Fr. - Xuất xứ: G20

STT	Danh mục	BVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
81	Sonde dẫn lưu ổ bụng	Cải	200	Chất liệu được làm từ nhựa PVC y tế hoặc tương đương. Ống dây mềm, dẻo, có tính đàn hồi, đã tiệt trùng. - Các cỡ phù hợp với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
82	Sonde Foley 2 nhánh các số	Cải	4,100	Chất liệu 100% cao su thiên nhiên, có phủ silicon. Tráng silicon trong lòng ống, chiều dài ống 40cm, - Bóng dung tích 30cc. Valve bơm bóng có lò xo - Các cỡ phù hợp trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. - Đóng gói riêng biệt từng cái.
83	Sonde Foley 3 nhánh các số	Cải	50	"- Chất liệu 100% cao su thiên nhiên, có phủ silicon. Tráng silicon trong lòng ống, chiều dài ống 40cm, - Bóng dung tích 30cc. Valve bơm bóng có lò xo - Các cỡ phù hợp trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ.
84	Sonde Nelaton các số	Cải	400	Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone. - Các cỡ, tối thiểu các số 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, có chiều dài >40cm.
85	Găng phẫu thuật vô trùng	Đôi	81,500	Sản xuất từ cao su thiên nhiên Latex, Màu trắng tự nhiên, có bột. Găng được đóng trong bao bì có hai lớp liên tiếp. Bề mặt trơn nhẵn toàn bộ - Độ dày tối thiểu tại 3 điểm khác nhau: 0.10mm, Chiều dài tối thiểu: 260mm(size 6.5); 270mm(size 7 và 7.5. 8.0). - Độ giãn tối thiểu trước khi già hóa (lão hóa): 700%, Độ giãn tối thiểu sau khi già hóa (lão hóa): 550%.
86	Găng tay khám bệnh sử dụng 1 lần	Đôi	629,000	Nguyên liệu cao su tự nhiên, gồm 2 loại: có bột và không bột. Bề mặt trơn nhẵn. Trọng lượng găng khoảng: $5,4 \pm 0,2g$. - Có tối thiểu các size: S, M, L - 2 lớp ngoài vải không dệt - 2 lớp giữa chống thấm + 1 thanh tựa mũi. + 2 dây đeo tai có độ co giãn tốt.
87	Khẩu trang y tế 4 lớp (không vô trùng)	Cải	38,500	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
				Hiệu suất lọc bụi (PEE): > 97%; Áp lực thử :< 20mmHg; Hiệu suất vi khuẩn: > 97%.H83
88	Khẩu trang y tế 4 lớp (vô trùng)	Cái	94,500	- 02 lớp ngoài: Vải không dệt polypropylene hoặc tương đương - 02 lớp giữa gồm: + 01 lớp vải lọc: Vải lọc polypropylene hoặc tương đương đạt tiêu chuẩn, không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn... + 01 lớp vải ép than hoạt tính: Làm từ polypropylene hoặc tương đương có ép than hoạt tính không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, khử mùi, ngăn cản bụi, vi khuẩn.... - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
89	Mũ trùm đầu y tế	Cái	18,000	Nguyên liệu: vải không dệt không thấm và dây thun đôi. Kích thước mũ con sâu: Rộng 2,2 ÷ 2,5cm x dài 19÷21cm. Đường kính kéo căng: 48 cm (±1cm) - Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016
90	Áo giấy phẫu thuật	Cái	6,200	Vải áo: SSMMS hoặc tương đương, chống thấm, chống cồn, chống tĩnh điện. Trọng lượng: ≥ 43gsm. Đường nối may bằng máy ép cao tần - Áo có tấm dán sau gáy. Có dây buộc có định ở phần lưng (eo) đảm bảo che kín toàn thân. Bỏ cổ tay thun. - Khăn thấm: Vải thấm không dệt airlaid hoặc tương đương, kích thước khoảng 30x40cm, số lượng lớn hơn ≥ 2 - Giấy gói: vải không dệt tiệt trùng, - Có tối thiểu các Size M,L,XL

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
91	Khăn đặt phẫu thuật 50cm x 50cm; không lỗ	Cái	1,450	Chất liệu: Vải không dệt không thấm, Không lỗ. - Kích thước $\geq 50\text{cm} \times 50\text{cm}$. - Đóng gói vô khuẩn từng cái.
92	Khăn đặt phẫu thuật 50cm x 60cm; có lỗ	Cái	4,630	Chất liệu: vải không dệt không thấm, trọng lượng $\geq 40 \text{ g/m}^2$, Có lỗ phi 10cm. - Kích thước $\geq 50\text{cm} \times 60\text{cm}$. - Đóng gói vô khuẩn từng cái.
93	Khăn đặt phẫu thuật 80cm x 120cm; có lỗ	Cái	3,490	Chất liệu: vải không dệt không thấm, Có lỗ. - Kích thước $\geq 80\text{cm} \times 120\text{cm}$. - Đóng gói vô khuẩn từng cái.
94	Khăn đặt phẫu thuật 80cm x 120cm; không lỗ	Cái	11,480	Chất liệu: vải không dệt không thấm, trọng lượng $\geq 40 \text{ g/m}^2$. - Kích thước $\geq 80\text{cm} \times 120\text{cm}$. - Đóng gói vô khuẩn từng cái.
95	Gạc cuộn 5cm x 5 m	Cuộn	630	Gạc dạng cuộn được làm từ 100% cotton. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Kích thước 5cm x 5m.
96	Gạc cuộn 10cm x 5 m	Cuộn	630	Gạc dạng cuộn được làm từ 100% cotton. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Kích thước 10cm x 5m.
97	Gạc dẫn lưu 3,5 cm x 75 cm x 6 lớp	Gói	500	Gạc không dệt hút nước, tiết trùng. - Kích thước : 3,5cm x 75cm x 6 lớp - Đóng gói vô khuẩn từng cái.
98	Gạc dẫn lưu 4,5 cm x 75 cm x 4 lớp	Cái	400	Gạc không dệt hút nước, tiết trùng. - Kích thước : 4,5cm x 75cm x 6 lớp - Đóng gói vô khuẩn từng cái.
99	Gạc dẫn lưu 0,75cm x 100cm x 4 lớp	Cái	1,260	Gạc không dệt hút nước. - Kích thước: 0,75cm x 100cm x 4 lớp. - Đóng gói vô khuẩn từng cái.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
100	Gạc dẫn lưu 1,5cm x 100cm x 4 lớp	Cái	800	Gạc không dệt hút nước. - Kích thước: 1,5cm x 100cm x 4 lớp. - Đóng gói vô khuẩn từng cái.
101	Gạc hút	Mét	10,500	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton. Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây. Độ PH: trung tính. Kích thước: khổ rộng ≥ 80 cm.
102	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp	Miếng	21,500	Gạc phẫu thuật không dệt, 100% cotton, mềm mại, độ thấm hút cao, không độc tố và không gây dị ứng. - Kích thước: 7.5cm x 7.5 cm x 6 lớp - Đóng gói vô khuẩn từng cái - Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III.
103	Gạc phẫu thuật 7,5*7,5cm x 8 lớp	Miếng	20,600	Chất liệu: gạc hút nước 100% cotton. - Kích thước: 7,5cm x 7.5cm x 8 lớp. Đóng gói 2 lớp (bao bì kép). - Đóng gói: 10 miếng/ gói, tiệt trùng.
104	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp	cái	214,400	Chất liệu: gạc hút nước 100% cotton. - Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp. Đóng gói 2 lớp (bao bì kép). - Đóng gói: 10 miếng/ gói, tiệt trùng.
105	Gạc phẫu thuật 30cm x 40cm x 6 lớp.	Miếng	44,600	Chất liệu: gạc hút nước 100% cotton. - Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp, - cản quang. Đóng gói 2 lớp (bao bì kép). - Đóng gói: 10 miếng/ gói, tiệt trùng.
106	Gạc cầu đường kính 30mm x 1 lớp	cái	108,700	Chất liệu: gạc hút nước 100% cotton. - Đường kính: 30mm x 1 lớp. Đóng gói 2 lớp. - Đóng gói: 10 cái/ gói, tiệt trùng.
107	Bông tiêu miếng	Gam	760,000	Được làm từ 100% bông tự nhiên, bông y tế màu trắng, thiết kế từng miếng. - Tốc độ hút nước ≤ 10 s, khả năng giữ nước ≥ 20 g nước/g bông - Bông mịn và dai, không bị xơ thừa và vụn bông. - Kích thước (2x2)cm. Đóng gói: 10g/ gói. - Cắt từng miếng: 2cm x 2cm.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
108	Bông y tế	Kg	9,000	Bông hút nước 100% cotton tự nhiên. Bông màu trắng đồng nhất. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ acid và kiềm: trung tính. - Đóng gói: 1kg/ gói.
109	Bông gạc đắp vết thương 6cm*15cm	Cái	10,300	Gạc không dệt hút nước + bông hút nước, kích thước $\geq 6\text{cm} \times 15\text{cm}$. - Đóng gói vô khuẩn từng cái.
110	Bông tắm cotton	Miếng	88,650	Bông: 100% Cotton tắm Cotton: Isopropyl Alcohol 70% - Kích thước: 30mm x 30mm x 2 lớp - Đóng gói từng miếng.
111	Bông lót bó bột 10x365cm	Cuộn	1,000	Được làm từ 100% polyester, chất liệu sợi bông với độ dày tối ưu, êm và mềm mại. Dễ dàng sử dụng và tiết kiệm thời gian thao tác. - Kích thước khoảng 10cm x 365cm.
112	Dây truyền dịch	Bộ	30,550	Dây truyền làm từ chất liệu nhựa PVC, không gây gập khi bảo quản, Đầu nối Luer lock. Van khoá điều chỉnh, sản xuất từ hạt nhựa ABS, Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$, Có bầu cao su tiếp thuốc. - Dài $\geq 1600\text{mm}$.
113	Dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch	Bộ	20,300	Dây dẫn: Dài $\geq 1800\text{mm}$, nhựa PVC tráng silicon. Có cổng tiêm thuốc chữ Y. Đầu nối Luer lock. Van thoát khí (van lọc khí): có màng lọc khuẩn có lỗ lọc $0.2\mu\text{m}$ vô khuẩn. - Bầu đếm giọt dung tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có màng lọc dịch $15\mu\text{m}$. Khóa lần chỉnh giọt. - Sử dụng được cho các loại máy khác nhau.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
114	Dây truyền dịch an toàn dùng cho máy truyền dịch	Cái	2,240	Chất liệu: PVC, trong suốt, không chứa Latex và DEHP - Van thông khí có màng lọc có khả năng lọc vi khuẩn, vi rút (Đảm bảo hệ thống kín có nghiên cứu chứng minh ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn và ngăn ngừa sự hóa hơi), van thông khí chịu áp lực đến 0,2 bar. - Có cửa tiêm thuốc an toàn. Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng-mềm. Đầu khóa vận xoắn Luer Lock. Có khe cài dây và cấm đầu nhọn. - Kích thước: chiều dài dây $\geq 180\text{cm}$, 20 giọt/ml, Đường kính trong dây: 3 mm, đường kính ngoài 4.1 mm. Màng lọc dịch 15μm. - Đóng gói tiệt trùng từng bộ. - Đạt tiêu chuẩn châu Âu CE MDR: CE 0123 - EN ISO 8536, EN ISO 10993-1, ISO 11607-1, ASTM F2096, EN 556-1 - Xuất xứ: G7 hoặc Việt Nam
115	Dây truyền máu	Cái	3,660	Dây dài $\geq 180\text{cm}$, Chất liệu dây PVC - Màng lọc: kích thước lỗ lọc trong khoảng 175 μm - 210 μm. Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/ml. - Có kim truyền không cánh tối thiểu cỡ 18G, đốc kim trong suốt. - Tiệt trùng, đóng gói riêng biệt.
116	Dây nối 15cm	Cái	8,600	Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, chiều dài 15cm - Đường kính trong 1.3mm, Đường kính ngoài 2.3mm, Chịu áp lực ≥ 2 bar. Đầu nối Luer Lock, đường kính trong 2.27mm. - Có cổng tiêm thuốc, có khóa dừng - Có chứng nhận EN ISO 13485 - Chứng nhận EC
117	Dây nối 75cm	Cái	33,000	Dây nối bơm tiêm điện làm từ chất liệu PVC, không Latex, không DEHP - Dài $\geq 75\text{cm}$, đường kính trong 0.9mm($\pm 0.05\text{mm}$), Chịu được áp lực: ≥ 2 bar. - Đầu nối khóa ren vận xoắn (luer lock) - Khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu. - Đạt tiêu chuẩn iso 13485.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
118	Dây nối 140cm	Cái	56,000	Dây nối bom tiêm điện làm từ chất liệu PVC không Latex, không DEHP. - Dài $\geq 140\text{cm}$, đường kính trong $1.0\text{mm}(\pm 0.05\text{mm})$. Chịu được áp lực: $\geq 2\text{ bar}$ - Đầu nối khóa ren vặn xoắn (luer lock) - Khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu. - Đạt tiêu chuẩn iso 13485.
119	Chạc ba tiêm có dây nối dài 25 cm	Cái	3,670	Khóa 3 chạc chất liệu PC hoặc PE, Chịu được áp lực $\geq 2\text{ Bar}$. - Dây PVC, không chứa DEHP. trong suốt. - Đầu kết nối luer lock . Chiều dài dây $\geq 25\text{cm}$. Đóng mở bằng núm xoay 360
120	Chạc 3 không dây nối	Cái	12,700	Chất liệu: Polycarbonat trong suốt, Chịu áp lực $\geq 2\text{ bar}$. - Chạc 3 có đầu khóa luer lock, chắc chắn không rò rỉ. - Có nắp vặn khóa đóng mở được, góc xoay 360 độ.
121	Dây garo bằng vải	Cái	540	Vật liệu bằng vải Terylene và mũ cao su co giãn tốt. Dài: 45cm, rộng: 2,5cm, độ kéo giãn: 80-90cm với khóa nhựa ABS cổ định đai. Có các màu xanh biển, đỏ, xanh lá, trắng, vàng, hồng....
122	Canuyn Mayor các cỡ	Cái	320	Chất liệu: Nhựa PS hoặc PE Thông số kỹ thuật: Chiều cao khoảng 65mm, đường kính khoảng 34mm, dung tích khoảng 50ml. - Có các cỡ, Tiết trùng bằng tia Gamma.
123	Canuyn mũi hầu các cỡ	Cái	300	Chất liệu silicone hoặc tương đương, có đầu kết nối để bóp bóng hoặc thổi máy hỗ trợ
124	Canuyl mở khí quản các cỡ	Cái	60	Chất liệu: Nhựa PS hoặc PE - Các cỡ, có bóng Thông số kỹ thuật: Chiều cao khoảng 65mm, đường kính khoảng 34mm, dung tích khoảng 50ml. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100%, nắp màu đỏ, có nhãn. Tiết trùng bằng tia Gamma.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
125	Đè lưới bằng gỗ	Cái	228,200	Chất liệu bằng gỗ tự nhiên, thớ mịn, không rậm. - Đóng gói vô khuẩn từng cái. - Đạt tiêu chuẩn iso 13485.
126	Cồn 70 độ	Lít	2,758	Hàm Ethanol 70% (v/v). Chai 500 ml. Đạt TCVN
127	Túi đựng nước tiểu có quai treo	Cái	2,110	Dung tích ≥ 2000 ml, chất liệu nhựa PVC, Độ dày khoảng 1.2mm, dây dẫn dài khoảng 90 cm. Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược. Có dây treo và quai treo đục lỗ. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Có bảng ghi thông tin bệnh nhân.
128	Túi hậu môn nhân tạo	Cái	340	 Thể tích chứa khoảng 180ml. Để túi có dán keo chắc chắn bằng hydrocolloid hoặc tương đương - Để hình tròn khoảng 7cmx7cm độ dày để khoảng 0,75mm vòng cắt 5-32mm. - Thân túi đựng dịch thải, trong : có thể nhìn thấy màu sắc dịch thải bên trong túi. - Túi có cửa xả, chất liệu túi có thể đảm bảo dùng được 5-7 ngày. Chất liệu: nhựa, trắng trong , trung tính, có nhãn, có nắp, dung tích ≥ 50 ml - Lọ có thìa và lọ không có thìa. - Đóng gói vô trùng từng cái.
129	Lọ đựng bệnh phẩm vô trùng (50ml)	Cái	35,600	Chất liệu: nhựa, trắng trong , trung tính, có nhãn, có nắp, dung tích ≥ 50 ml - Lọ có thìa và lọ không có thìa. - Đóng gói vô trùng từng cái.
130	Lọ đựng bệnh phẩm vô trùng 150 ml	Cái	30	Chất liệu: nhựa, trắng trong , trung tính, có nhãn, có nắp, dung tích ≥ 150 ml. - Đóng gói vô trùng từng cái.
131	Dây nối chữ Y bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng	Cái	70	Chất liệu nhựa PVC Chịu áp lực ≤ 350 psi, luer lock. dây nối chống xoắn dài ≥ 150 cm.
132	Bộ bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng	Bộ	150	Ống bơm thuốc cân quang 2 nòng, dung tích 200ml. Chịu áp lực ≤ 350 psi, luer lock. Nạp thuốc bằng ống hút. - Sử dụng được cho máy Nemoto. - Bộ đóng gói gồm 2 bơm tiêm, 1 ống hút, 1 dây nối chống xoắn dài khoảng 150cm luer lock

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật
133	Bộ bẫy đờm	Bộ	5,000	Hình trụ có tối thiểu dung tích 40ml, 80ml tùy chọn, có vạch chia từng ml, một đầu nối vào máy hút, một đầu nối với Sonde hút . Một bộ tối thiểu bao gồm: 01 đầu nối bằng cao su có thể vừa với tất cả các cỡ của sonde hút 01 lọ lấy đờm kèm nắp thay thế sau khi hút dịch có nắp đậy kín để đem đi xét nghiệm 01 tem nhãn tên bệnh nhân
134	Điện cực tim	Cái	25,800	Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Diện cực cảm biến Ag/AgCl có độ nhạy tốt nhất và các hạt kết dính hydro-gel có trở kháng rất thấp. - Sử dụng cho các loại máy khác nhau. Bất tín hiệu nhanh, cho tín hiệu ổn định, chính xác. - Kích thước $\geq 4.3\text{cm} \times 4.5\text{ cm}$, hình Oval,. Vòng tay làm từ chất liệu nhựa PVC dẻo, không gây dị ứng không làm đau tay người bệnh. Vòng có nhiều lỗ để điều chỉnh khóa theo kích thước cổ tay người bệnh. - Vòng sử dụng được với máy in nhiệt hãng Brother. - Có các màu khác nhau để sử dụng định danh người bệnh trong đó có màu đỏ - Tiêu chuẩn: ISO 13485
135	Vòng định danh	Cái	56,500	